

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 211/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05/3/2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Lê Trung Hiếu;
- Bà Lê Thị Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc - Là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Đoàn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14772024HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025.

1. Nguyên đơn: bà Lê Ngọc Thanh L, sinh năm: 1993.

Địa chỉ thường trú: tổ A, ấp E, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Bà L có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Phạm Tăng Bảo T, sinh năm: 1994. ELD Ghi chú

Địa chỉ thường trú: số B đường số D, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 3, địa chỉ ấp E, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Ông T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2024, bản tự khai, biên bản hòa giải bà Lê Ngọc Thanh L trình bày:

Bà L và ông Phạm Tăng Bảo T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 166, ngày 06/12/2022. Bà và ông Phạm Tăng Bảo T sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong bàn bạc kinh tế, nuôi dạy

con cái. Chồng bà L còn thường xuyên bạo hành, nghiện ngập, lấy tiền của gia đình để phục vụ nhu cầu cá nhân. Bà L đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ đó, mâu thuẫn phát sinh ngày càng nhiều và nghiêm trọng, những rạn nứt không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Tăng Bảo T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà Lê Ngọc Thanh L và ông Phạm Tăng Bảo T có 01 (một) con chung tên Phạm Tăng Phát L1, sinh ngày 23/5/2022. Bà Lê Ngọc Thanh L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm Tăng Phát L1 và bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà L đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà L tự khai không có.

Bị đơn ông Phạm Tăng Bảo T trình bày: ông Tường xác nhận về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng ông đúng như lời trình bày của bà L. Sau khi kết hôn, ông T và bà Lê Ngọc Thanh L chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm sống, phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được.

Về con chung: ông Phạm Tăng Bảo T và bà Lê Ngọc Thanh L có 01 con chung tên Phạm Tăng Phát L1, sinh ngày 23/5/2022. Ông T đồng ý giao trẻ L1 cho bà L trực tiếp nuôi con và ông không cấp dưỡng nuôi trẻ L1.

Về tài sản chung: ông T đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông T tự khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn xin ly hôn của bà Lê Ngọc Thanh L, xác định là vụ án hôn nhân và gia đình về “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn ông Phạm Tăng Bảo T có nơi cư trú tại số S đường số D, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản

1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Lê Ngọc Thanh L và ông Phạm Tăng Bảo T có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông T.

[3] Về nội dung: căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 166, ngày 06/12/2022 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Lê Ngọc Thanh L và ông Phạm Tăng Bảo T cùng lời khai của nguyên đơn, bị đơn về việc tự nguyện kết hôn nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn bà Lê Ngọc Thanh Loan đối với ông Phạm Tăng Bảo T. Qua lời trình bày của nguyên đơn thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà L, ông T đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của bà L là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong bàn bạc kinh tế, nuôi dạy con cái. Chồng bà còn thường xuyên bạo hành bà, nghiện ngập, lấy tiền của gia đình để phục vụ nhu cầu cá nhân. Nay bà L thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Tăng Bảo T. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải *“có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”*. Nhận thấy, hôn nhân là sự tự nguyện chung sống của cả hai bên, tuy nhiên khi một bên không còn muốn chung sống với nhau nữa thì chứng tỏ hôn nhân không còn hạnh phúc, bà L và ông T không đảm bảo được *“tình nghĩa vợ chồng”* như Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L, ông T đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[5] Về con chung: bà Lê Ngọc Thanh L và ông Phạm Tăng Bảo T có 01 (một) con chung tên Phạm Tăng Phát L1, sinh ngày 23/5/2022. Bà Lê Ngọc Thanh L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm Tăng Phát L1. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Phạm Tăng Phát L1 và hiện nay trẻ Phạm Tăng Phát L1 đang sống cùng bà L vẫn đảm bảo phát triển về mọi mặt của. Do đó, căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao trẻ Phạm Tăng Phát L1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: bà L và ông T cùng đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: bà L và ông T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: bà Lê Ngọc Thanh L chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Ngọc Thanh L đối với ông Phạm Tăng Bảo T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Ngọc Thanh L được ly hôn với ông Phạm Tăng Bảo T.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 166, ngày 06/12/2022 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Ngọc Thanh L và ông Phạm Tăng Bảo T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: bà Lê Ngọc Thanh L và ông Tăng Bảo T có 01 (một) con chung tên Phạm Tăng Phát L1, sinh ngày 23/5/2022. Giao trẻ Phạm Tăng Phát L1 cho bà Lê Ngọc Thanh L trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Ngọc Thanh L không yêu cầu ông Phạm Tăng Bảo T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà Lê Ngọc Thanh L và ông Tăng Bảo T đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: bà Lê Ngọc Thanh L và ông Tăng Bảo T tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: bà Lê Ngọc Thanh L chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Ngọc Thanh L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0048461 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự

quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Ngọc Thanh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Tân;
- CCTHADS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm

